

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

*(Kèm theo Công văn số: /STP-PBPL&QLVPHC ngày tháng năm 2023
của Sở Tư pháp)*

PHẦN A MỘT SỐ QUY ĐỊNH CẦN BIẾT VỀ NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Câu 1: Nghĩa vụ quân sự là gì? Cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình có trách nhiệm gì trong thực hiện nghĩa vụ quân sự?

Đáp: Theo Điều 45 Hiến pháp năm 2013 xác định: Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.

Khoản 1, Điều 4 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định: Nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ vẻ vang của công dân phục vụ trong Quân đội nhân dân. Thực hiện Nghĩa vụ quân sự bao gồm phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị của Quân đội nhân dân.

Điều 5 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình trong thực hiện nghĩa vụ quân sự như sau: Cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình có trách nhiệm giáo dục, động viên và tạo điều kiện cho công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Câu 2: Độ tuổi gọi công dân nhập ngũ quy định là bao nhiêu?

Đáp: Theo Điều 30 Luật Nghĩa vụ quân sự 2015 quy định:

Độ tuổi gọi nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi.

Trường hợp công dân nam được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo thì tuyển chọn và gọi nhập ngũ đến hết 27 tuổi.

Ví dụ: A sinh ngày 01/01/2005, thời điểm anh A đủ 18 tuổi để được gọi tham gia nghĩa vụ quân sự là vào ngày 01/01/2023. Thời điểm anh A hết 25 tuổi là ngày 01/01/2030 và hết 27 tuổi là ngày 01/01/2032.

Câu 3: Các trường hợp nào phải đăng ký nghĩa vụ quân sự?

Đáp: Theo Điều 12 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định những trường hợp đăng ký nghĩa vụ quân sự bao gồm:

- Công dân nam đủ 17 tuổi trở lên.
- Công dân nữ trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự có ngành, nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu của Quân đội nhân dân đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 4: Các trường hợp nào không được đăng ký nghĩa vụ quân sự?

Đáp: Theo Điều 13 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định các trường hợp không được đăng ký nghĩa vụ quân sự bao gồm:

- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hình phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế hoặc đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích;
- Người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Người bị tước quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Câu 5: Đối tượng nào được miễn đăng ký nghĩa vụ quân sự?

Đáp: Theo Điều 14 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định đối tượng được miễn đăng ký nghĩa vụ quân sự bao gồm: người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh tâm thần hoặc bệnh mãn tính theo quy định của pháp luật.

Câu 6: Tiêu chuẩn công dân được gọi nhập ngũ được quy định như thế nào?

Đáp: Theo Điều 31 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định tiêu chuẩn công dân được gọi nhập ngũ, như sau:

- Lý lịch rõ ràng;
- Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- Đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo quy định;
- Có trình độ văn hóa phù hợp.

Câu 7: Việc khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự vào tháng mấy hàng năm?

Đáp: Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 thì: hằng năm, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân một lần vào tháng hai hoặc tháng ba, nên việc khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự sẽ diễn ra trong khoảng thời gian từ ngày 01/11 đến hết ngày 31/12 hằng năm.

Tuy nhiên, trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh mà gọi công dân nhập ngũ lần hai thì Thủ tướng Chính phủ sẽ quyết định thời gian khám sức khỏe gọi công dân nhập ngũ lần 2.

Câu 8: Cơ quan nào thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự?

Đáp: Theo Điều 15 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định cơ quan đăng ký nghĩa vụ quân sự bao gồm:

- Ban Chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự cho công dân cư trú tại địa phương.
- Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự cho công dân làm việc, học tập tại cơ quan, tổ chức và tổng hợp báo cáo Ban Chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở; trường hợp cơ quan, tổ chức

không có Ban Chỉ huy quân sự ở cơ sở thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho công dân thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự tại nơi cư trú.

Câu 11: Những trường hợp nào được hoãn gọi nhập ngũ?

Đáp: Theo khoản 1, Điều 41 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, tạm hoãn gọi nhập ngũ đối với những công dân sau đây:

- Chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe;

- Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; trong gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

- Một con của bệnh binh, người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%;

- Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ; hạ sĩ quan, chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

- Người thuộc diện di dân, giãn dân trong 03 năm đầu đến các xã đặc biệt khó khăn theo dự án phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên quyết định;

- Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

- Đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông; đang được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo.

Câu 12: Những trường hợp nào được miễn gọi nhập ngũ?

Đáp: Theo khoản 2, Điều 41 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, miễn gọi nhập ngũ đối với những công dân sau đây:

- Con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một;

- Một anh hoặc một em trai của liệt sĩ;

- Một con của thương binh hạng hai; một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81 % trở lên;

- Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân;

- Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên.

Câu 13: Cơ quan nào có thẩm quyền quyết định tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ và công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ?

Đáp: Theo Điều 42 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tạm hoãn gọi nhập ngũ và miễn gọi nhập ngũ đối với công dân quy định tại Điều 41 của Luật này.

- Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ đối với công dân.

Câu 14. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ quân sự được quy định như thế nào?

Đáp: Theo Điều 21 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định:

Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan, binh sĩ là 24 tháng.

Trong trường hợp để bảo đảm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu hoặc đang thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn thì thời hạn nêu trên thì kéo dài không quá 06 tháng.

Câu 15: Công dân vừa trúng tuyển nghĩa vụ quân sự vừa trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng thì có đi nghĩa vụ quân sự không?

Đáp: Theo Điều 41 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 tạm hoãn gọi nhập ngũ đối với trường hợp:

“*Đang học* tại cơ sở giáo dục phổ thông; đang được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo.”

Theo quy định nêu trên, thí sinh mới nhận được giấy báo nhập học, chưa làm xong thủ tục nhập học thì chưa được xem là "*đang học*" nên không thuộc trường hợp hoãn nghĩa vụ quân sự.

Trường hợp trên người trúng tuyển vẫn phải thực hiện lệnh gọi nhập ngũ, kết quả trúng tuyển sẽ được bảo lưu và có thể nhập học sau khi xuất ngũ.

Câu 16: Công dân khi nhập ngũ được hưởng quyền lợi như thế nào?

Đáp: Quy định của pháp luật về chế độ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ như sau:

- *Chế độ nghỉ phép:* Điều 3 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ, quy định như sau:

+ Phục vụ tại ngũ từ tháng thứ 13 trở đi: được phép nghỉ hàng năm, thời gian nghỉ là 10 ngày (không kể ngày đi và về), được thanh toán tiền tàu, xe, tiền phụ cấp đi đường;

+ Hạ sĩ quan, binh sĩ là học viên các học viện, nhà trường trong, ngoài Quân đội, thời gian học từ một năm trở lên: thời gian nghỉ phép là thời gian nghỉ hè giữa

hai năm học thì thời gian nghỉ này được tính là thời gian nghỉ phép được thanh toán tiền tàu, xe, tiền phụ cấp đi đường;

+ Trường hợp không thể giải quyết cho nghỉ phép do yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu hoặc ở những nơi điều kiện đi lại khó khăn thì được thanh toán bằng tiền (*mức tiền một ngày không nghỉ phép bằng mức tiền ăn cơ bản một ngày của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh*);

+ Trường hợp đã nghỉ phép một năm theo chế độ, nếu gia đình gặp thiên tai, hỏa hoạn nặng hoặc bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; người nuôi dưỡng hợp pháp; vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi hợp pháp từ trần, mất tích hoặc hạ sĩ quan, binh sĩ lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ thì được nghỉ phép đặc biệt, thời gian không quá 05 ngày (không kể ngày đi và về), được thanh toán tiền tàu, xe, tiền phụ cấp đi đường.

- *Chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH)*: Điểm a, khoản 1, Điều 7 Thông tư số 95/2016/TT-BQP của Bộ Quốc phòng quy định về chế độ BHXH, trợ cấp xuất ngũ một lần, trợ cấp thêm do kéo dài thời gian phục vụ tại ngũ, trợ cấp tạo việc làm của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ Điều 7 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP quy định thời gian phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ được tính là thời gian đóng BHXH để làm cơ sở tính hưởng các chế độ BHXH theo quy định.

- *Đãi ngộ đối với thân nhân*: Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ được trợ cấp như sau:

+ *3.000.000 đồng/suất/lần* khi nhà ở của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ gặp gặp tai nạn, hỏa hoạn, thiên tai dẫn đến bị sập nhà, trôi nhà, cháy nhà hoặc phải di dời chỗ ở hoặc tài sản bị hư hỏng, thiệt hại nặng về kinh tế;

+ *500.000 đồng/người/lần* khi thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ ốm đau từ 01 tháng trở lên, điều trị 01 lần tại bệnh viện từ 07 ngày trở lên;

+ Trường hợp hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ hy sinh, từ trần hoặc mất tích thì thân nhân được trợ cấp mức được trợ cấp mức *2.000.000 đồng/người*.

+ *Miễn, giảm học phí* đối với con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ khi học tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập, ngoài công lập theo quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015.

+ Được ngân sách nhà nước *chi trả bảo hiểm y tế* theo khoản 6 Điều 1 Luật Bảo hiểm y tế; khoản 13, Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP quy định thân nhân của sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, binh sỹ quân đội đang tại ngũ, sỹ quan, hạ sỹ quan nghiệp vụ và sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên môn, kỹ thuật đang công tác trong lực lượng công an nhân dân, học viên công an nhân dân, hạ sỹ quan, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, học viên cơ yếu được hưởng chế độ, chính sách theo chế độ, chính sách đối với học viên ở các trường quân đội, công an, gồm: cha đẻ, mẹ đẻ; cha đẻ, mẹ đẻ của vợ hoặc chồng; người nuôi dưỡng hợp pháp của bản thân, của vợ hoặc của chồng; vợ hoặc chồng;

con đẻ, con nuôi hợp pháp từ trên 6 tuổi đến dưới 18 tuổi; con đẻ, con nuôi hợp pháp từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học phổ thông.

- *Chế độ phụ cấp thêm khi kéo dài thời gian phục vụ tại ngũ và chế độ phụ cấp khuyến khích đối với hạ sĩ quan, binh sĩ nữ phục vụ tại ngũ:* Điều 4 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định:

+ Hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định kéo dài thời gian phục vụ tại ngũ thì từ tháng thứ 25 trở đi, hàng tháng được hưởng thêm 250% phụ cấp quân hàm hiện hưởng (*Không áp dụng đối với hạ sĩ quan, binh sĩ đang chờ chuyển chế độ quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng; chờ đi học, dự thi tuyển sinh; đang học ở các học viện, nhà trường trong, ngoài Quân đội và các trường hợp khác*);

+ Hạ sĩ quan, binh sĩ nữ phục vụ tại ngũ: hàng tháng được hưởng phụ cấp mức 0,2 so với mức lương cơ sở.

- *Một số chế độ khác, chính sách khác:* Điều 5 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định:

+ Không mất phí chuyển tiền, bưu phẩm; bưu kiện; được cấp 04 tem thư/tháng.

+ Trước khi nhập ngũ là thành viên hộ nghèo, học sinh, sinh viên nếu vay tiền từ ngân hàng chính sách xã hội thì được tạm hoãn trả và không tính lãi suất trong thời gian tại ngũ theo quy định hiện hành.

+ Nếu có đủ điều kiện, tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, văn hóa, sức khỏe, độ tuổi thì được tham gia tuyển sinh theo quy định của Bộ Quốc phòng và được cộng điểm ưu tiên trong tuyển sinh theo quy định hiện hành.

Câu 17: Công dân khi hoàn thành nghĩa vụ và xuất ngũ được hưởng chế độ như thế nào?

Đáp: Theo Điều 7 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định như sau:

- Ngoài chế độ BHXH một lần được hưởng theo quy định của pháp luật về BHXH, hạ sĩ quan, binh sĩ khi xuất ngũ được trợ cấp xuất ngũ một lần, cứ mỗi năm phục vụ trong Quân đội được trợ cấp bằng 02 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ tại thời điểm xuất ngũ. Trường hợp có tháng lẻ được tính như sau: Dưới 01 tháng không được hưởng trợ cấp xuất ngũ; từ đủ 01 tháng đến đủ 06 tháng được hưởng trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương cơ sở; từ trên 06 tháng trở lên đến 12 tháng được hưởng trợ cấp bằng 02 tháng tiền lương cơ sở.

- Hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ thời hạn đủ 30 tháng, khi xuất ngũ được trợ cấp thêm 02 tháng phụ cấp quân hàm hiện hưởng; trường hợp nếu xuất ngũ trước thời hạn 30 tháng thì thời gian phục vụ tại ngũ từ tháng thứ 25 đến dưới 30 tháng được trợ cấp thêm 01 tháng phụ cấp quân hàm hiện hưởng.

- Hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự khi xuất ngũ được trợ cấp tạo việc làm bằng 06 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ tại thời Điểm xuất ngũ.

- Hạ sĩ quan, binh sĩ khi xuất ngũ được đơn vị trực tiếp quản lý tổ chức buổi gặp mặt chia tay trước khi xuất ngũ, mức chi 50.000 đồng/người; được đơn vị tiễn và đưa về địa phương nơi cư trú theo quy định hoặc cấp tiền tàu, xe (loại phổ thông) và phụ cấp đi đường từ đơn vị về nơi cư trú."

Câu 18: Công dân khi xuất ngũ có được hỗ trợ học nghề hoặc giải quyết việc làm không?

Đáp: Điều 8 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ quy định về chế độ đào tạo, học nghề, giải quyết việc làm khi xuất ngũ được quy định như sau:

- Trước khi nhập ngũ đang học tập hoặc có giấy gọi vào học tại các trường thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả, được tiếp nhận vào học tại các trường đó.

- Được hỗ trợ đào tạo nghề khi xuất ngũ theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ.

- Nếu trước khi nhập ngũ đang làm việc tại cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thì khi xuất ngũ được tiếp nhận lại, bố trí việc làm và bảo đảm thu nhập không thấp hơn trước khi nhập ngũ; trường hợp cơ quan, tổ chức đã giải thể thì cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp có trách nhiệm bố trí việc làm phù hợp. Trường hợp cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp đó đã giải thể hoặc không có cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội với các cơ quan nhà nước có liên quan cùng cấp sẽ giải quyết việc làm.

- Nếu trước khi nhập ngũ đang làm việc tại tổ chức kinh tế thì khi xuất ngũ được tiếp nhận lại, bố trí việc làm và bảo đảm tiền lương, tiền công tương xứng với vị trí việc làm và tiền lương, tiền công trước khi nhập ngũ; trường hợp tổ chức kinh tế đã chấm dứt hoạt động, giải thể hoặc phá sản thì chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ được thực hiện như đối với người lao động của tổ chức kinh tế đó theo quy định của pháp luật; cơ quan BHXH địa phương nơi tổ chức kinh tế nói trên đóng BHXH chịu trách nhiệm thanh toán chế độ BHXH theo quy định hiện hành.

- Trường hợp được tiếp nhận vào làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức, các cơ sở kinh tế thuộc các thành phần kinh tế được xếp lương theo công việc đảm nhiệm, thời gian phục vụ tại ngũ được tính vào thời gian công tác và được hưởng chế độ, chính sách theo quy định hiện hành đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ sở kinh tế đó.

- Trường hợp xuất ngũ do đã hết thời hạn phục vụ tại ngũ hoặc do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc xuất ngũ khi có lệnh bãi bỏ lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ khi về địa phương được ưu tiên sắp xếp việc làm và cộng Điểm trong tuyển sinh, tuyển dụng công chức, viên chức; trong thời gian tập sự được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của ngạch tuyển dụng tương ứng với trình độ đào tạo.

PHẦN B

XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Câu 1: Những hành vi nào bị nghiêm cấm trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự?

Đáp: Điều 10 của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định 06 hành vi bị nghiêm cấm như sau:

- Trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- Chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- Gian dối trong khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về nghĩa vụ quân sự.
- Sử dụng hạ sĩ quan, binh sĩ trái quy định của pháp luật.
- Xâm phạm thân thể, sức khỏe; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của hạ sĩ quan, binh sĩ.

Câu 2: Thế nào là trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự?

Đáp: Khoản 8, Điều 3 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định: Trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự là hành vi không chấp hành lệnh gọi đăng ký nghĩa vụ quân sự; lệnh gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự; lệnh gọi nhập ngũ; lệnh gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu.

Câu 3: Tổ chức, cá nhân có hành vi trốn tránh, chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự thì có bị xử lý vi phạm không?

Đáp: Khoản 1 Điều 59 Luật Nghĩa vụ quân sự 2015 quy định về việc xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân có hành vi trốn tránh, chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự như sau:

Tổ chức, cá nhân có hành vi trốn tránh, chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Hiện nay theo Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2023 của Chính phủ quy định XPVPHC trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 và Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định một số tội phạm đối với các hành vi vi phạm về nghĩa vụ quân sự.

Câu 4: Hành vi trốn tránh đăng ký nghĩa vụ quân sự bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

Đáp: Điều 4 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung) quy định:

- *Phạt cảnh cáo đối với hành vi không đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu đối với công dân nam đủ 17 tuổi trong năm thuộc diện phải đăng ký nghĩa vụ quân sự.*

- *Phạt tiền từ 8-10 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau:*

+ Không đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu (trừ trường hợp công dân nam đủ 17 tuổi trong năm thuộc diện phải đăng ký nghĩa vụ quân sự thì bị phạt cảnh cáo).

+ Không thực hiện đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị theo quy định;

+ Không đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung khi có sự thay đổi về chức vụ công tác, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, tình trạng sức khỏe và thông tin khác có liên quan đến nghĩa vụ quân sự theo quy định;

+ Không thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập theo quy định;

+ Không thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng theo quy định.

- *Biện pháp khắc phục hậu quả:* Ngoài hình thức xử phạt chính, tùy trường hợp vi phạm cụ thể nêu trên, đối tượng vi phạm còn bị buộc: thực hiện thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu; đăng ký nghĩa vụ quân sự trong ngạch dự bị; đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung, đăng ký khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập; đăng ký tạm vắng.

Câu 5: Hành vi vi phạm quy định sơ tuyển thực hiện nghĩa vụ quân sự bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào ?

Đáp: Điều 5 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP quy định:

Hành vi không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm tập trung sơ tuyển ghi trong giấy gọi sơ tuyển thực hiện nghĩa vụ quân sự mà không có lý do chính đáng: phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng; buộc thực hiện sơ tuyển nghĩa vụ quân sự theo kế hoạch của Hội đồng nghĩa vụ quân sự.

Câu 6. Hành vi vi phạm quy định về kiểm tra, khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự bị xử phạt như thế nào?

Đáp: Điều 6 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung) quy định:

- Phạt tiền từ 10-12 triệu đồng đối với hành vi không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm kiểm tra, khám sức khỏe ghi trong lệnh gọi kiểm tra hoặc khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự mà không có lý do chính đáng.

- Phạt tiền từ 12-15 triệu đồng đối với hành vi cố ý không nhận lệnh gọi kiểm tra, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự mà không có lý do chính đáng.

- Phạt tiền từ 15-20 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau:

+ Người được khám sức khỏe có hành vi gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự.

+ Đưa tiền, tài sản, hoặc lợi ích vật chất khác trị giá đến dưới 2.000.000 đồng cho cán bộ, nhân viên y tế hoặc người khác để làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của người được kiểm tra hoặc người được khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự.

- Phạt tiền từ 25-35 triệu đồng đối với hành vi không chấp hành lệnh gọi kiểm tra, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.

Câu 7. Hành vi phạm quy định về nhập ngũ bị xử lý như thế nào?

Đáp: Điều 7 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung) quy định

- Phạt tiền từ 30-40 triệu đồng đối với hành vi không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm tập trung ghi trong lệnh gọi nhập ngũ mà không có lý do chính đáng.

- Phạt tiền từ 40-50 triệu đồng đối với hành vi gian dối nhằm trốn tránh thực hiện lệnh gọi nhập ngũ sau khi đã có kết quả khám tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự đủ điều kiện nhập ngũ theo quy định.

- Phạt tiền từ 50-75 triệu đồng đối với hành vi không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ (trừ các trường hợp nêu trên):

Ngoài ra, các trường hợp nêu trên đối tượng bị xử phạt còn bị buộc thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Câu 8: Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện nghĩa vụ quân sự bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?

Đáp: Điều 9 Nghị định số 120/2013/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung) quy định như sau:

- Phạt tiền từ 10-15 triệu đồng đối với một trong các hành vi:

+ Báo cáo không đầy đủ danh sách công dân nam đủ 17 tuổi trong năm, công dân nữ có ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Quân đội nhân dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi; báo cáo không đầy đủ số lượng quân nhân dự bị và người sẵn sàng nhập ngũ ở cơ quan, tổ chức mình theo quy định.

+ Cố ý báo cáo không chính xác danh sách công dân nam đủ 17 tuổi trong năm, công dân nữ có ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Quân đội nhân dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi; báo cáo không chính xác số lượng quân nhân dự bị và người sẵn sàng nhập ngũ ở cơ quan, tổ chức mình theo quy định.

Các trường hợp nêu trên còn bị buộc thực hiện báo cáo theo quy định.

- Phạt tiền từ 15-20 triệu đồng đối với một trong các hành vi:

+ Không báo cáo danh sách công dân nam đủ 17 tuổi trong năm, công dân nữ có ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Quân đội nhân dân từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi.

+ Không báo cáo số lượng quân nhân dự bị và người sẵn sàng nhập ngũ ở cơ quan, tổ chức mình theo quy định.

Các trường hợp trên còn bị buộc thực hiện báo cáo theo quy định.

- Phạt tiền từ 20-30 triệu đồng đối với hành vi không tiếp nhận trở lại trường học; không tiếp nhận và bố trí việc làm cho hạ sĩ quan, binh sĩ đã hoàn thành nghĩa

vụ quân sự trở về cơ quan, tổ chức cũ làm việc. Ngoài ra, còn bị buộc tiếp nhận trở lại trường học; tiếp nhận và bố trí việc làm cho hạ sĩ quan, binh sĩ đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về cơ quan, tổ chức cũ làm việc.

Câu 9: Hành vi trốn tránh nghĩa vụ quân sự bị xử lý hình sự như thế nào?

Đáp: Điều 332 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự như sau:

- Người nào không chấp hành đúng quy định của pháp luật về đăng ký nghĩa vụ quân sự, không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ, lệnh gọi tập trung huấn luyện, *đã bị xử phạt vi phạm hành chính* về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- + Tự gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của mình;
- + Phạm tội trong thời chiến;
- + Lôi kéo người khác phạm tội.

Câu 10: Bộ luật Hình sự hiện hành quy định về tội làm trái quy định về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự như thế nào?

Đáp: Điều 334 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

- Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ, gọi tập trung huấn luyện, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Phạm tội trong thời chiến, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

- Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Câu 11: Bộ luật Hình sự hiện hành quy định về tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự như thế nào?

Đáp: Điều 335 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự như sau:

- Người nào cố ý cản trở việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, gọi nhập ngũ, gọi tập trung huấn luyện, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

- Phạm tội trong trường hợp lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc trong thời chiến, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.